

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG ĐIỀN
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/DS-ST
Ngày 27-10-2021
V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Hoàng Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Bá Lộc.

2. Bà Nguyễn Thị Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 27-10-2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 26/2021/TLST-DS ngày 23-3-2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2021/QĐXXST-DS ngày 02-7-2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2021/QĐST-DS ngày 19-7-2021; Thông báo về việc tiếp tục đưa vụ án ra xét xử số 08/TB-TA ngày 02-8-2021; Thông báo về việc hoãn phiên tòa và thời gian mở lại phiên tòa số 04/TB-TA ngày 16-8-2021, Thông báo về việc hoãn phiên tòa và thời gian mở lại phiên tòa số 05/TB-TA ngày 06-9-2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2021/QĐST-DS ngày 08-10-2021, giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu M, sinh năm: 1960 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ 15, ấp T, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bị đơn: Ông Võ Duy K, sinh năm: 1967 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 241 tổ 4, ấp A, xã A, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Nguyễn Hữu M trình bày:

Ngày 13-01-2021, ông Nguyễn Hữu M và ông Võ Duy K thỏa thuận ký hợp đồng mua bán cám gia cầm và con giống với nội dung ông M đồng ý bán cho ông K cám cho vịt con, vịt thịt và vịt đẻ gồm: Cám loại I đợt 1 (vịt con): 110 bao, giá 265.000đ/bao với số tiền 29.000.000đ; cám loại I đợt 2 (vịt con) : 100 bao, giá 265.000đ/bao với số tiền 26.500.000đ; cám loại II (vịt thịt) đợt 1: 200 bao, giá 245.000đ/bao với số tiền 49.000.000đ; cám loại II (vịt thịt) đợt 2: 200 bao, giá 245.000đ/bao với số tiền 49.000.000đ; cám vịt đẻ: 100 bao, giá 230.000đ/bao với tổng số tiền 23.000.000đ; cám loại II (vịt thịt) đợt 3: 200 bao, giá 245.000đ/bao với số tiền 49.000.000đ; cám loại II (vịt thịt) đợt 4: 200 bao, giá 245.000đ/bao với số tiền 49.000.000đ. Tổng cộng là 274.500.000đ.

Ông M đã giao đủ số lượng cám nói trên cho ông K và hai bên chốt lại số lượng cám giao nhận với tổng số tiền 274.500.000đ. Ông K mới trả cho ông M được 16.000.000đ, số còn lại không trả nên ông M tìm đến nơi ông K nuôi vịt là xã Lộc An, huyện Đất Đỏ (nơi ông M giao hàng) để yêu cầu trả tiền thì phát hiện ông K bán toàn bộ số vịt đang nuôi cho bà Huỳnh Ánh L. Do ông K chưa trả tiền nên ông M không cho bà Liễu chở vịt đi nên hai bên xảy ra xích mích lời qua tiếng lại. Vì vậy, Công an xã Lộc An đến giải quyết và qua hòa giải bà L đồng ý trả thay cho ông K 90.000.000đ nên ông M mới đồng ý cho chở vịt đi. Như vậy, tổng số tiền bán cám ông M đã thu về 106.000.000đ, còn thiếu 168.500.000đ. Ông M nhiều lần đến nhà cũng như gọi điện thoại cho ông K yêu cầu trả, nhưng ông K nói đang gặp khó khăn chưa trả được, sau đó ông M tiếp tục yêu cầu trả thì ông K nói đừng có tìm, nếu như đến tìm thì không trả nợ. Do thời gian khá lâu nhưng ông K không trả nên ông M mới làm đơn khởi kiện yêu cầu ông K trả nợ.

Nay ông M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông K phải trả 168.500.000đ còn nợ theo “Hợp đồng mua bán cám gia cầm và con giống” ngày 13-01-2021.

Ông M xác nhận bà L không liên quan gì đến khoản nợ này nhưng biết rõ sự việc ông M bán cám cho ông K và hiện nay ông K còn nợ khoản tiền như trên. Vì vậy, ông M chỉ yêu cầu một mình ông K phải 168.500.000đ mà không yêu cầu bà L phải liên đới cùng thanh toán.

Bị đơn ông Võ Duy K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Theo kết quả xác minh, ông Võ Duy K có hộ khẩu thường trú tại số 241, tổ 4, ấp A, xã A, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, hiện nay ông K không có mặt tại địa phương, đi đâu, làm gì không rõ.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Ông K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do; ông M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Trong quá trình tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng chưa nghiêm túc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng áp dụng các điều 430, 431, 433, 434 và 440 của Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Buộc ông K phải trả 168.500.000đ còn nợ theo “Hợp đồng mua bán cam gia cam và con giống” ngày 13-01-2021.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn xác định yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả 168.500.000đ còn nợ theo “Hợp đồng mua bán cam gia cam và con giống” ngày 13-01-2021 được xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về xác định người tham gia tố tụng: Trong quá trình tố tụng ông M xác định bà Huỳnh Ánh L không liên quan đến hợp đồng mua bán ngày 13-01-2021 và không có yêu cầu gì đối với bà L. Xét thấy, bà L không liên quan đến tranh chấp giữa các đương sự nên Tòa án không đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[3] Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

[4.1] Ngày 13-01-2021, ông M và ông K thỏa thuận ký hợp đồng mua bán cám gia cầm và con giống với nội dung ông M đồng ý bán cho ông K cám cho vịt con, vịt thịt và vịt đẻ. Từ ngày ký hợp đồng đến ngày 17-02-2021, ông M đã giao cho ông K các mặt hàng, gồm: Cám loại I đợt 1 (vịt con): 110 bao, số tiền 29.000.000đ; cám loại I đợt 2 (vịt con) : 100 bao, số tiền 26.500.000đ; cám loại II (vịt thịt) đợt 1: 200 bao, số tiền 49.000.000đ; cám loại II (vịt thịt) đợt 2: 200 bao, số tiền 49.000.000đ; cám vịt đẻ: 100 bao, tổng số tiền 23.000.000đ; cám loại II (vịt thịt) đợt 3: 200 bao, số tiền 49.000.000đ; cám loại II (vịt thịt) đợt 4: 200 bao, số tiền 49.000.000đ. Tổng số tiền mua bán 274.500.000đ, ông K đã ký xác nhận trên hợp đồng mua bán nói trên.

[4.2] Theo ông M thì ông K mới trả được 16.000.000đ (tiền đặt cọc), số còn lại không trả nên ông M tìm đến nơi ông K nuôi vịt thuộc xã Lộc An, huyện Đất Đỏ (nơi giao nhận hàng) để yêu cầu trả tiền thì phát hiện ông K bán toàn bộ số vịt đang nuôi cho bà Liễu nên không cho chở đi. Qua làm việc tại Công an xã Lộc An bà Liễu đồng ý trả thay cho ông K 90.000.000đ do đó ông M mới đồng ý cho bà Liễu chở vịt đi. Ông M xác nhận đã thu được 106.000.000đ tiền mua bán cám cho ông K, còn thiếu 168.500.000đ.

[4.3] Do ông K không thực hiện việc trả nợ nên ông M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc phải trả 168.500.000đ còn nợ theo “Hợp đồng mua bán cám gia cầm và con giống” ngày 13-01-2021.

[4.4] Quá trình tố tụng ông K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần để đến Tòa án làm rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng không đến làm việc, vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ theo quy định của pháp luật. Như vậy, bị đơn đã từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình nên phải chịu hậu quả về việc vắng mặt và việc không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

[4.5] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn xuất trình đã được kiểm tra đánh giá tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 13-01-2021 ông K và ông M thỏa thuận ký hợp đồng mua bán cám gia cầm và con giống với tổng số tiền 274.500.000đ. Ông K đã trả được 106.000.000đ, còn nợ 168.500.000đ nhưng không trả nên ông M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết là có cơ sở chấp nhận.

[5] Từ những nhận định và phân tích nêu trên cần tuyên xử buộc ông K phải trả cho ông M 168.500.000đ.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên ông K phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là $168.500.000đ \times 5\% = 8.425.000đ$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 68, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 357, 430, 433, 434, 440 và 468 của Bộ luật Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu M đối với ông Võ Duy K.

Buộc ông Võ Duy K phải trả cho ông Nguyễn Hữu M 168.500.000 (một trăm sáu mươi tám triệu, năm trăm nghìn) đồng còn nợ theo “Hợp đồng mua bán cảm gia cầm và con giống” ngày 13-01-2021.

Kể từ ngày, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án một khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Võ Duy K phải nộp 8.425.000 (tám triệu, bốn trăm hai mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Hoàn trả cho ông Nguyễn Hữu M 4.200.000 (bốn triệu, hai trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2020/0004553 ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. “Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Long Điền;
- CCTHA dân sự huyện Long Điền;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Hoàng Đức